

## BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

### 1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam.
- 1.2. Địa chỉ: Xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh/~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác<sup>(+)</sup>:
- 1.4. Nhãn hiệu: YAMAHA.
- 1.5. Tên thương mại: -
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): EXCITER – 2NDC.
- 1.7. Số giấy chứng nhận<sup>(2)</sup>: 0066/VAQ06-01/18-00.
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 3 130/NETC-M/19/C ngày: 24/09/2019.

### 2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 117 kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 269 kg
- 2.3. Động cơ
  - 2.3.1. Kiểu động cơ: YAMAHA G3D4E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.
  - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 149,8 cm<sup>3</sup>.
  - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 11,3/8.500 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~<sup>(1)</sup>
- 2.5. Hộp số
  - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~<sup>(1)</sup>
  - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 5.
  - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,833/1,875/1,429/1,143/0,957.
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 3,000.
- 2.7. Lốp
  - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 90/80-17 46P áp suất lốp: 225 kPa
  - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 120/70-17 58P áp suất lốp: 225 kPa



